TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ–ST
Ngày: 18-9-2017
V/v "Ly hôn giữa
chị T và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thuý Uyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Nhàn

2. Ông Phạm Hồng Vũ
- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân - Thư ký Toà án của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại phòng xét xử của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 81/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Đoàn Lệ T,** sinh năm 1984 *(Có mặt)*; Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1978 *(Vắng mặt)*; Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị S,** sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp M, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2/ Bà **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1939; Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3/ Bà **Nguyễn Thị Đ,** sinh năm 1964; Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4/ Bà **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1961; Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5/ Bà **Bùi Thị T,** sinh năm 1970; Nơi cư trú : ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

6/ Bà **Phạm Thị Ngọc L,** sinh năm 1979; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

7/ Bà **Trần Thị X,** sinh năm 1966; Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

8/ Ông **Nguyễn Văn V,** sinh năm 1957; Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, lời khai trong qua trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Đoàn Lệ T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M vào ngày 26-12-2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ấp P, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mất hạnh phúc do anh T ghen tuông vô cớ, thường hay đánh đập chị. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi. Anh chị đã ly thân từ tháng 2 năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian ly thân thì vợ chồng không có gặp gỡ để bàn bạc hàn gắn đoàn tụ. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh T được nên yêu cầu Toà giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Trong thời gian chung sống, chị và anh T có một con chung là Nguyễn Thị Đan T, sinh ngày 24/7/2009. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 605.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Trong đơn khởi kiện chị yêu cầu chia nợ của vợ chồng chị nợ bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L bà Phạm Thị Ngọc L, bà Trần Thị X, ông Nguyễn Văn V. Tuy nhiên, các chủ nợ không yêu cầu, chị và anh T cũng thống nhất để các bên tự thỏa thuận nên chị rút yêu cầu chia nợ. Đối với các khoản nợ anh T trình bày thì các bên đã thống nhất tự thỏa thuận, đối với nợ Ngân hàng chính sách đã trả xong. Đối với nợ bà Bùi Thị T thì đã được giải quyết bằng vụ án khác trước đây rồi.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T có trình bày như sau:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về quá trình anh chị tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn, chung sống. Theo anh, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh chị mất hạnh phúc là do chị T thường xuyên đi chơi, ca hát nhạc sống, quen biết nhiều người nên anh cảm thấy không hài lòng, chị T chỉ lo chơi, không chăm lo cho gia đình, chồng con. Anh đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng chị T vẫn không sửa đổi, từ đó

vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Việc chị T cho rằng anh ghen tuông, thường xuyên đánh đập chị là không có. Anh chị sống ly thân từ ngày 21-1-2017 âm lịch cho đến nay. Anh thấy rằng khả năng vợ chồng đoàn tụ không có nên chấp nhận ly hôn với chị T.

Trong thời gian chung sống, anh và chị T có một con chung là Nguyễn Thị Đan T, sinh ngày 24/7/2009. Hiện nay cháu T đang sống chung với chị T. Anh giao con cho chị T nuôi, anh cấp dưỡng 605.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: các khoản nợ mà chị T trình bày ban đầu anh đồng ý chia nợ, riêng các khoản nợ của bà Nguyễn Thị S và Nguyễn Thị N không thừa nhận. Ngoài ra vợ chồng anh còn nợ các chủ nợ khác gồm ông Nguyễn Văn P, bà Đào Thị B, bà Võ Hồng T, ông Đặng Văn N, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C, Ngân hàng C. Tuy nhiên, anh chị đã tự thỏa thuận xong với các chủ nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời đểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: nguyên đơn chấp hành đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị: Đình chỉ yêu cầu chia nợ của chị T, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đoàn Lệ T đối với anh Nguyễn Văn T, giao con chung tên Nguyễn Thị Đan T, sinh ngày 24/7/2009 cho chị T nuôi, ghi nhận việc anh T cấp dưỡng nuôi con 605.000 đồng/tháng. Tài sản chung không có, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình cụ thể là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

Trong đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh T chia nợ của vợ chồng chị nợ bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L bà Phạm Thị Ngọc L, bà Trần Thị X, ông Nguyễn Văn V. Tuy nhiên, các chủ nợ không yêu cầu nên chị rút yêu cầu chia nợ để các bên tự thỏa thuận. Việc rút yêu cầu của chị T là tự nguyện, phù hợp qui định pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét về hôn nhân của chị T và anh T: chị T và anh T do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M vào ngày 26-12-2005. Hôn nhân của anh chị được xây dựng trên tinh thần tự nguyện và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị T cho rằng anh T thường xuyên ghen tuông, đánh đập chị. Ngược lại anh T cho rằng chị T chỉ lo đi chơi, ca hát nhạc sống, không lo cho gia đình, chồng con. Xét thấy, mẫu thuẫn giữa chị T và anh T là có thật, anh chị không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, Thẩm phán đã nhiều lần hàn gắn, động viên nhưng anh chị vẫn kiên quyết không đoàn tụ. Nay cả hai anh chị đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh, chị đã trầm trọng, hai bên không có ý muốn hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[2.2] Xét về con chung: Trong thời gian chung sống chị T và anh T có một con chung là Nguyễn Thị Đan T, sinh ngày 24/7/2009. Thấy rằng hiện nay cháu T đang sống chung với chị T nếu thay đổi môi trường sống sẽ làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển tâm sinh lý của cháu, anh T cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi. Do đó, tiếp tục giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi là phù hợp, ghi nhận anh T đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 605.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T là phù hợp.

[2.3] Xét về tài sản chung: chị T và anh T xác định trong thời kỳ hôn nhân giữa anh chị không có tài sản chung nên không xem xét.

[2.4] Xét về nợ chung: Đối với nợ Ngân hàng C đã trả xong, đối với các khoản nợ còn lại chị T, anh T và các chủ nợ tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3] Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30-12-2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Đình chỉ yêu cầu của chị Đoàn Lệ T về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn T chia nợ đối với các chủ nợ là bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, bà Phạm Thị Ngọc L, bà Trần Thị X, ông Nguyễn Văn V.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đoàn Lệ T đối với anh Nguyễn Văn T.

Chị Đoàn Lệ T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị T trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Đan T, sinh ngày 24/7/2009, ghi nhận anh T cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 605.000 (sáu trăm lẽ năm ngàn) đồng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2017.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có nên không xem xét.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị T phải chịu là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007700 ngày 23/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết công khai bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi người đó cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (Hs, Vp)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thuý Uyên